

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN ĐỒ SƠN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-6-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thế Sự

Bà Hoàng Thị Yến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Ông Lưu Văn S, sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện đề ngày 24-02-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Vũ Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà xây dựng hạnh phúc với ông S trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 05-3-1984. Sau khi kết hôn, bà về chung sống cùng ông S ở tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng với nhau về cách sống, ông S gia trưởng nên thường xuyên mắng chửi, xúc phạm đến vợ con. Nhưng

vì các con nên bà đã cố gắng chịu đựng bao nhiêu năm nay. Ngày mừng ba Tết Nguyên đán năm Tân Sửu 2021, sau khi đi chúc tết bên ngoại về, bà bị ông S đánh đập dẫn đến gãy tay phải đi viện điều trị, bó bột. Trong quá trình chung sống trước đây, ông S đã nhiều lần đánh chửi nhưng bà vẫn cố chịu đựng. Nay, các con đều đã trưởng thành, bà cũng không thể chịu đựng việc thường xuyên bị mắng chửi, đánh đập của ông S thêm được nữa. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S có 03 con chung là Lưu Bích N, sinh năm 1987, Lưu Thị Ng, sinh năm 1991 và Lưu Tuấn A, sinh năm 1996. Các con đều đã thành niên, cháu N và cháu Ng đã có gia đình riêng, còn cháu Tuấn A đang làm công nhân ở khu công nghiệp Đồ Sơn nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lưu Văn S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H quen biết nhau khi ông đi bộ đội, đóng quân tại Tiểu đoàn 8, Trung đoàn 50 ở quận Đồ Sơn. Ông và bà H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 05-3-1984. Sau khi về sống nhờ gia đình bên ngoại một thời gian, ông và bà H làm thủ tục xin cấp đất rồi xây dựng ngôi nhà như hiện nay. Trong khoảng thời gian chung sống trước đây, mặc dù nhiều vất vả nhưng gia đình không có vấn đề gì xảy ra. Từ năm 2018, sau khi bà H đi làm ăn xa 04 năm trở về, gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó. Ông và bà H vẫn sống chung nhà nhưng ở khác phòng, không ăn chung 03 năm nay. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Mọi đồ đạc trong nhà do ông sắm sửa, bà H chỉ mua bộ bàn ghế. Bà H đi làm bao nhiêu năm nay nhưng không nói với ông thu nhập, tiền nong bao nhiêu. Trong khoảng thời gian 03 năm không nói chuyện gì với nhau, không gần gũi nhau. Trong khoảng thời gian dài chịu nhiều áp lực, bức xúc nên vào ngày mừng 03 Tết Nguyên đán năm Tân Sửu 2021, khi về nhà không thấy bà H ở nhà cơm nước, hương khói nên khi bà H về, ông đã dùng tay tát, bà H giơ tay lên đỡ dẫn đến bị chấn thương ở tay. Sau đó, bà H đã chuyển về bên ngoại ở từ đó đến nay. Ông biết mình đánh bà H là sai, mong bà H bỏ qua về nhà trông nom nhà cửa, con cái. Trước đây, ông bà cũng đã từng vài lần xảy ra xô xát nhưng xong rồi là thôi, không có vấn đề gì. Nay, bà H làm đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án vận động để vợ chồng quay về đoàn tụ. Trường hợp, bà H vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo ý kiến của bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung là Lưu Bích N, sinh năm 1987, Lưu Thị Ng, sinh năm 1991 và Lưu Tuấn A, sinh năm 1996. Các con đều đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án. Tòa án đã thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của bà H và ông S tại gia đình và chính quyền địa phương thể hiện, trong thời

gian chung sống vài năm trở lại đây, bà H và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn tình cảm đúng như bà H và ông S đã trình bày. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, thiếu sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, không còn yêu thương nhau, không còn niềm tin ở nhau. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 và khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà H và ông S đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1984 tại UBND thị trấn Đồ Sơn. Trong khoảng thời gian chung sống vài năm trở lại đây, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn tình cảm do bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong chỉ tiêu sinh hoạt gia đình, không còn yêu thương, chia sẻ lẫn nhau mọi việc trong cuộc sống gia đình. Xét thấy, bà H và ông S hiện không còn tình cảm, đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau đã vi phạm khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Bà H và ông S có 03 con chung là Lưu Bích N, sinh năm 1987, Lưu Thị Ng, sinh năm 1991 và Lưu Tuấn A, sinh năm 1996 đều đã thành niên, bà H và ông S đều không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà H là người cao tuổi và có đơn đề nghị xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Lưu Văn S. Ông S có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông S.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Bà H và ông S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 05-3-1984. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S là hợp pháp.

[4] Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được xác định: Bà H và ông S kết hôn từ năm 1984. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn tình cảm. Trong khoảng thời gian vài năm gần đây, mâu thuẫn trở lên trầm trọng, ông bà thường xuyên cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân chính là do ông bà bất đồng về quan điểm sống, bất đồng trong chi tiêu, phát triển kinh tế gia đình. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, gia đình hai bên cũng đã tác động, khuyên giải nhưng tình trạng hôn nhân của ông bà vẫn không thể cải thiện được. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Mặc dù, ông S có đề nghị Tòa án vận động hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng lại không đến tham gia phiên hòa giải, không có động thái tích cực để hàn gắn tình cảm, bỏ mặc việc bà H giải quyết việc ly hôn với ông. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà H và ông S đã trầm trọng, cả hai đã không còn quan tâm đến cuộc sống chung, bỏ mặc mỗi người một nơi, không có những biện pháp để cải thiện cuộc sống vợ chồng. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Bà H và ông S 03 con chung là Lưu Bích N, sinh năm 1987, Lưu Thị Ng, sinh năm 1991 và Lưu Tuấn A, sinh năm 1996. Chị N, chị Ng và anh Tuấn A đều đã thành niên, ông S và bà H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà H và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H được ly hôn ông Lưu Văn S.
2. Về nuôi con chung: Bà H và ông S 03 con chung là Lưu Bích N, sinh năm 1987, Lưu Thị Ng, sinh năm 1991 và Lưu Tuấn A, sinh năm 1996. Chị N, chị Ng và anh Tuấn A đều đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Bà H và ông S không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà H 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0007183 ngày 04-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.
5. Về quyền kháng cáo: Bà H và ông S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Trường**

